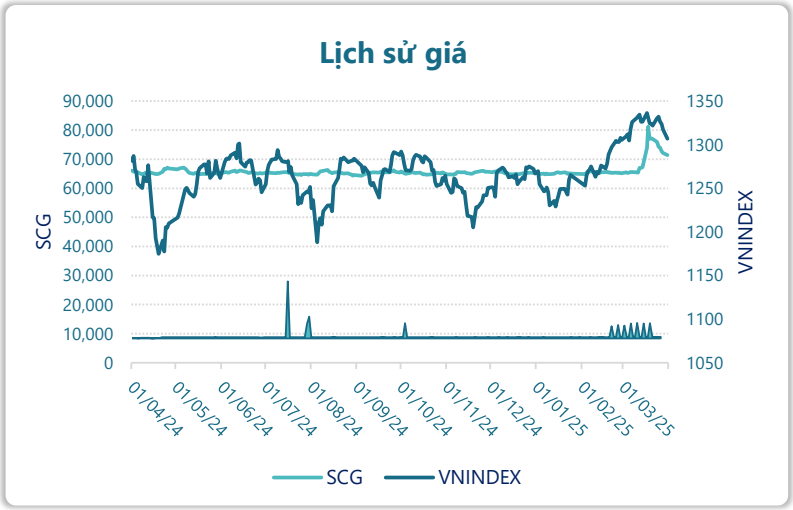
FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**71,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	64,300
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,525
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,069
P/E	37.9
EPS	1,884

DT thuần

Q1/25

263

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,046| -79.9%

YoY: ▲ 97.0| 58.5%

LN sau thuế

Q1/25

10.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.2| -62.7%

YoY: ▲ 2.91| 35.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

20.6%

+/- YoY: ▼ 36.7%

DT thuần

2024

2,705

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,911| 241%

LN sau thuế

2024

198

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 177| 839%

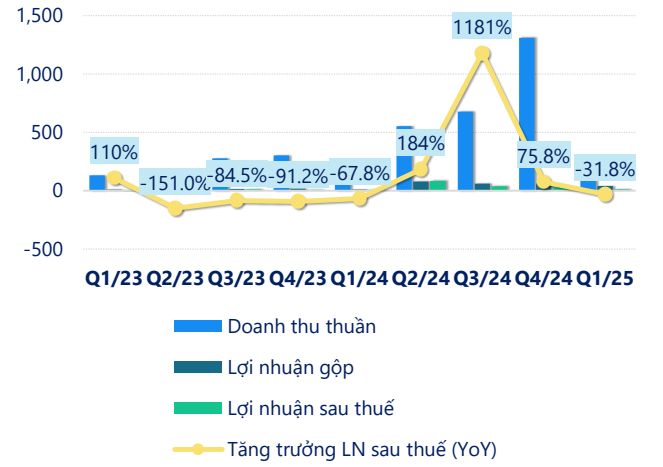
ROE

2024

15.7%

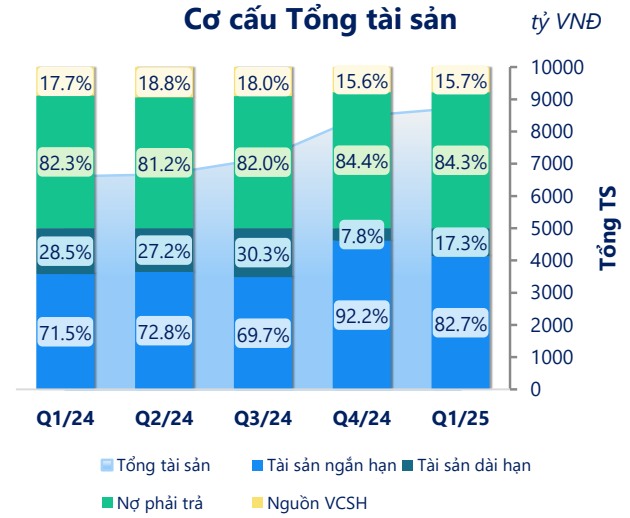
+/- YoY: ▲ 13.9%

Kết quả kinh doanh



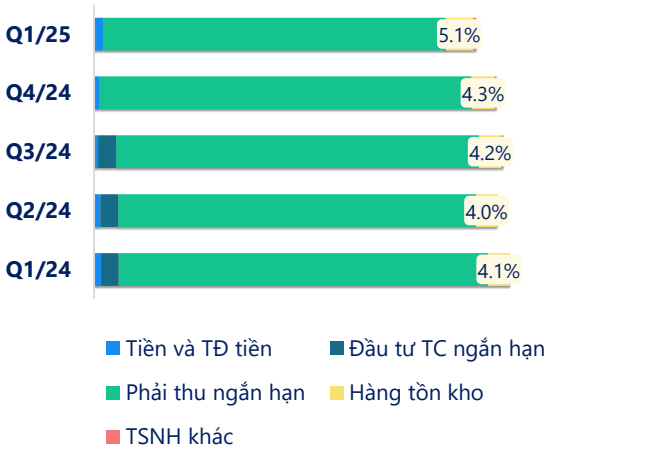
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



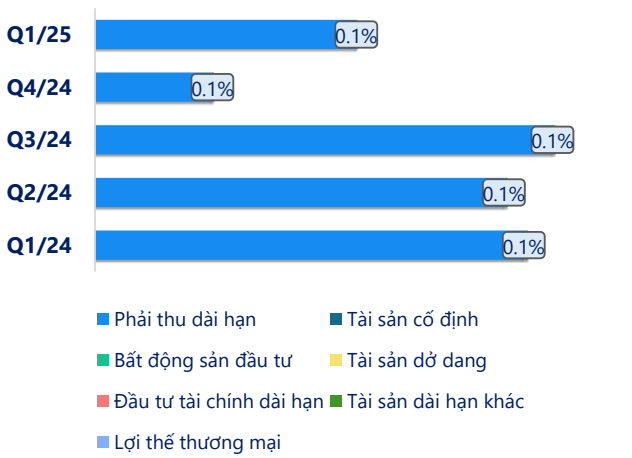
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



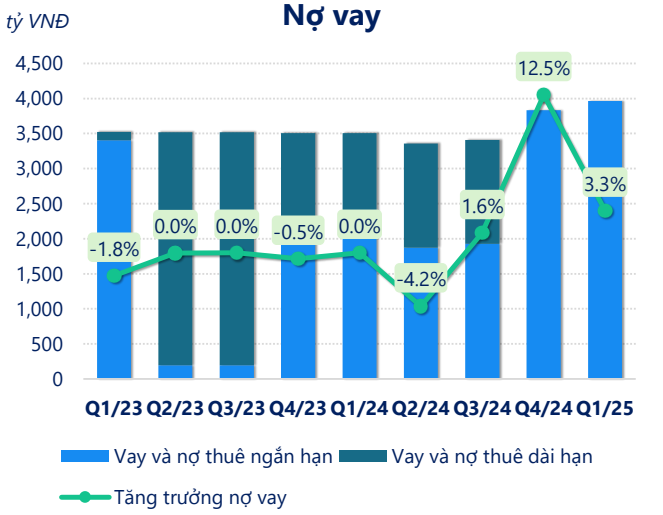
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



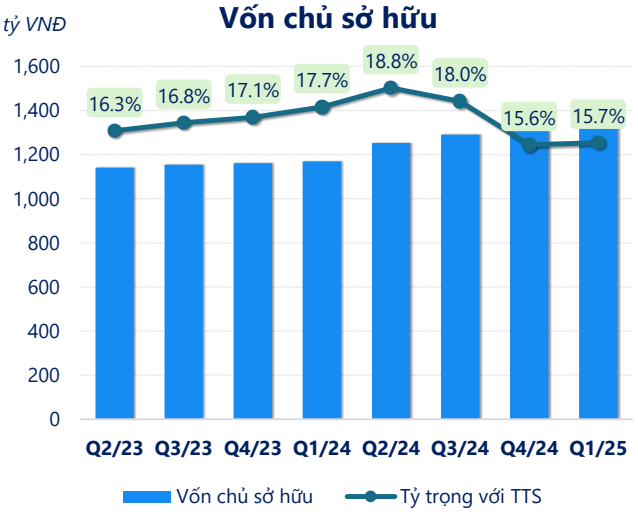
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



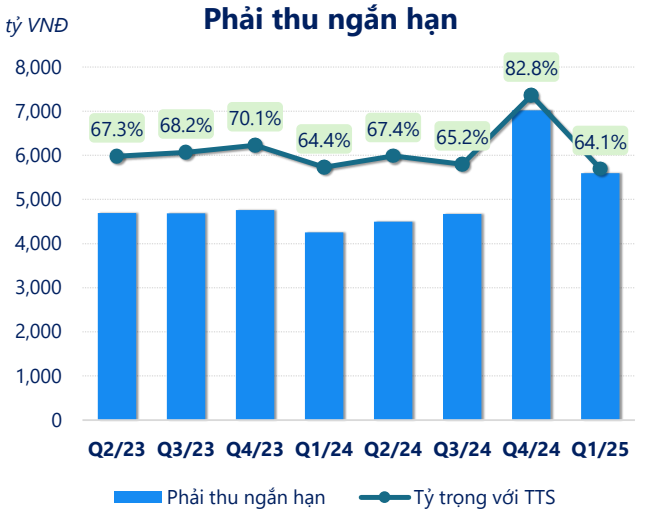
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



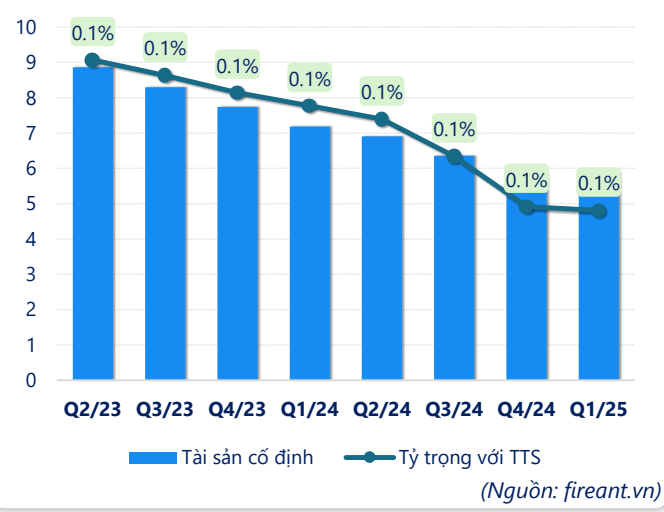
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



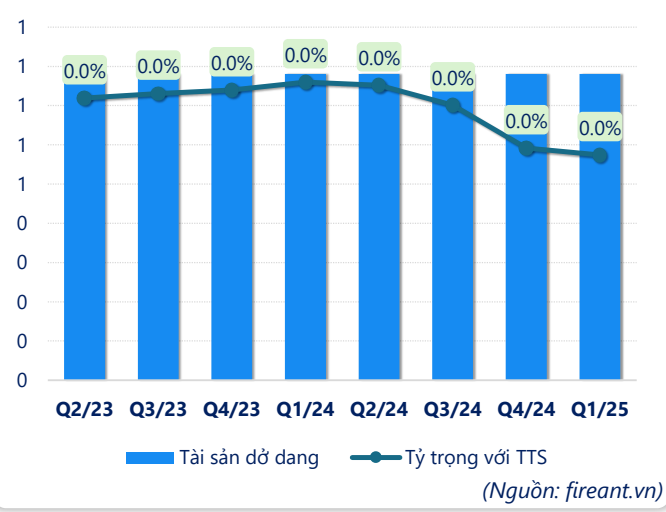
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



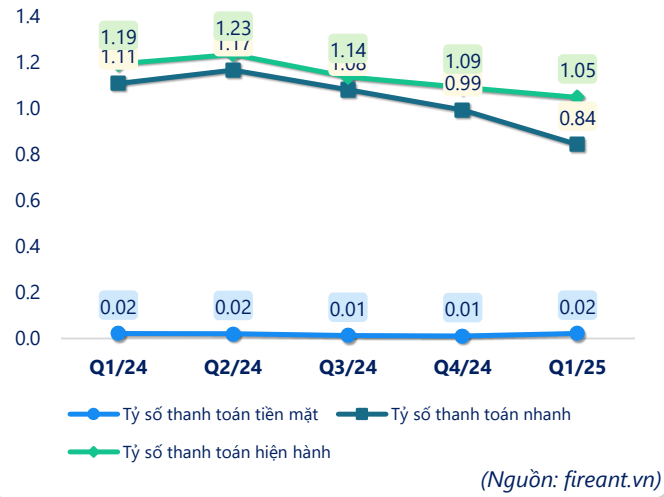
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



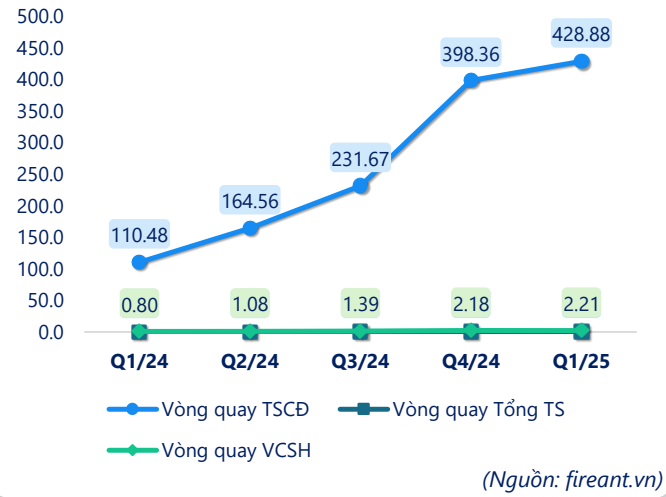
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**6,603**	**6,672**	**7,158**	**8,480**	**8,738**
Tài sản ngắn hạn	**4,721**	**4,860**	**4,989**	**7,815**	**7,227**
Tiền và tương đương tiền	86.1	80.1	54.2	78.1	148
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	4,256	4,494	4,669	7,018	5,597
Hàng tồn kho	338	267	244	704	1,414
Tài sản ngắn hạn khác	40.5	19.5	22.1	15.2	67.4
Tài sản dài hạn	**1,883**	**1,812**	**2,169**	**665**	**1,511**
Phải thu dài hạn	1,860	1,792	2,152	652	1,500
Tài sản cố định	7.18	6.90	6.36	5.84	5.88
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.78	0.78	0.78
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	14.7	11.7	9.46	5.61	4.64
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,434**	**5,419**	**5,868**	**7,160**	**7,368**
Nợ ngắn hạn	**3,952**	**3,937**	**4,386**	**7,160**	**6,895**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,022	1,874	1,926	3,835	3,963
Phải trả người bán ngắn hạn	640	720	791	1,055	874
Nợ dài hạn	1,482	1,482	1,482	0	473
Vay và nợ thuê dài hạn	1,482	1,482	1,482	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,169**	**1,253**	**1,290**	**1,319**	**1,370**
Vốn chủ sở hữu	**1,169**	**1,253**	**1,290**	**1,319**	**1,370**
Vốn điều lệ	850	850	850	850	850
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)